TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-PT
Ngày 16 tháng 10 năm 2018
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Duy Giá.
Các Thẩm phán: Ông Đỗ Anh Cường
Ông Nguyễn Duy Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Nguyễn Phương Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Lê Quỳnh N, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT: thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: thôn R, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn G, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người kháng cáo: Anh Trần Văn G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Trong đơn xin ly hôn ngày 25/5/2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Hoàng Lê Quỳnh N trình bày:

Chị và anh G kết hôn ngày 05/8/2005, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh G, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến tháng 10/2009, do kinh tế gia đình khó khăn, chị phải đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian chị đi lao động, hàng tháng chị có gửi tiền về cho anh G chi phí sinh hoạt gia đình và nuôi con nhưng anh G đã dùng tiền chi tiêu, chơi bời và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Tháng 12/2012, có một người phụ nữ gọi điện cho chị tự xưng là vợ anh G rồi chửi bới chị. Sau đó chị có nói với anh G nhưng anh G cũng chửi bới, xúc phạm chị nên từ đó chị và anh G không liên lạc với nhau nữa. Khoảng tháng 10/2016, anh G đã tổ chức lễ cưới với người phụ nữ khác, tết năm đó còn đưa lên nhà mẹ đẻ chị và giới thiệu là vợ, anh và về chung sống với nhau 7 tháng tại gia đình anh G, đến khi biết tin chị sắp về thì anh G lại đuổi người phụ nữ đó đi. Tháng 5/2018 tôi về nước và về ở nhà mẹ đẻ cho đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị xin được ly hôn anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 02 con chung là Trần Hoàng Khánh K, sinh ngày 21/4/2006 và Trần Quốc V sinh ngày 17/4/2008. Hiện tại cả hai cháu đang ở với anh G. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu K để anh G nuôi cháu V và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 06/6/2018 và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Trần Văn G trình bày:

Anh xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị N trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như chị N trình bày là không đúng, người phụ nữ mà chị N trình bày chỉ là bạn của anh chứ không phải là vợ. Tháng 5/2018, chị N về nước và về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác định như chị N trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh xin nuôi cả hai cháu và yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Với nội dung trên:

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 17/7/2018 của Toà án nhân dân huyện L đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử cho chị Hoàng Lê Quỳnh N được ly hôn anh Trần Văn G.

Giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hoàng Khánh K, sinh ngày 21/4/2006; anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Quốc V, sinh ngày 17/4/2008. Sau khi ly hôn, chị N và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Chị N và anh G cùng không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên quy định của Luật Thi hành án Dân sự, tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/7/2018 anh Trần Văn G có Đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết cho anh được nuôi dưỡng hai con là Trần Hoàng Khánh K, Trần Quốc V và xem xét lại tài sản và công nợ chung của anh chị.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn G, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 17/7/2018 của Toà án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của anh G làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Anh Trần Văn G kháng cáo đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung là Trần Hoàng Khánh K và Trần Quốc V, đề nghị tòa phúc thẩm xem xét phần tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng anh. Xét kháng cáo của anh G, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Theo những tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện tại lời khai của anh G: Anh làm nghề lò rèn tại nhà có thu nhập khoảng bảy triệu đến chín triệu đồng, thu nhập thóc hàng năm từ tám trăm đến chín trăm kg; xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B thì anh G làm nghề lò rèn tại gia đình, có thu nhập khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, việc làm

lò rèn của anh G chủ yếu rèn, rẽ vật dụng nông cụ, theo mùa vụ, không ổn định. Với mức và cách thu nhập này anh G không thể đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung một cách toàn diện, trong khi đó chị Hoàng Lê Quỳnh N vừa đi xuất khẩu lao động về, chị làm thêm tại cửa hàng ăn uống, dạy khoảng 05 người học nghề trang điểm có điều kiện, khả năng về kinh tế để nuôi dạy con. Mặc dù cả hai cháu K và cháu V đều có nguyện vọng ở với bố nhưng để đảm bảo được việc phát triển toàn diện cho các cháu, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã giao cháu K cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu V cho anh G nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung này.

Về nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về phần tài sản và công nợ chung của vợ chồng của anh G, do tại Tòa án cấp sơ thẩm chị Hoàng Lê Quỳnh N và anh Trần Văn G đều không có đơn yêu cầu chia tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để xem xét giải quyết. Nếu anh G có yêu cầu chia tài sản và công nợ chung thì anh có quyền làm đơn khởi kiện đề nghị giải quyết bằng một vụ án khác sau khi ly hôn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy đơn kháng cáo của anh Trần Văn G không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh G phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Trần Văn G, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 17/7/2018 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc về phần giao nuôi con chung, tài sản, công nợ.

[2] Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Giao cho chị Hoàng Lê Quỳnh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Trần Hoàng Khánh K, sinh ngày 21/4/2006; anh Trần Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Trần Quốc V, sinh ngày 17/4/2008. Chị N và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Chị N và anh G cùng không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về án phí phúc thẩm: Anh Trần Văn G phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2016/0001557 ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh G đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện L;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Toà DS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Duy Giá